TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21-01-2025
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Khánh Long

Ông Thái Trung Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Tăng Hoàng Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ P trình bày:

Chị và anh Trần Văn T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 04/6/2013. Thời gian đầu, chị và anh T chung sống rất hạnh phúc. Nhưng một thời gian sau thì chị và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, tính cách, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Trong thời gian chung sống, chị và anh T có 03 người con chung tên: Trần Minh T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 21/9/2014; Trần Gia M (giới tính: Nữ), sinh ngày

18/6/2017 và Trần Minh T2 (giới tính: Nam), sinh ngày 12/5/2020. Hiện các cháu đang sống chung với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thành nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu: Trần Minh T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 21/9/2014; Trần Gia M (giới tính: Nữ), sinh ngày 18/6/2017 và Trần Minh T2 (giới tính: Nam), sinh ngày 12/5/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào đơn khởi kiện, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ P có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng đối với bị đơn Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Xét đơn yêu cầu về việc xin ly hôn của Nguyễn Thị Mỹ P đối với anh Trần Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân của chị P và anh T không vi phạm các điều kiện kết hôn và sau khi sống chung với nhau hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị P với anh T phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị P vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu xin được ly hôn với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh T.

[5] Về con chung: Đối với cháu Trần Minh T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 21/9/2014; Trần Gia M (giới tính: Nữ), sinh ngày 18/6/2017 và Trần Minh T2 (giới tính: Nam), sinh ngày 12/5/2020, hiện nay chị P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu T1, cháu M và cháu T2 cho chị P (theo nguyện vọng của cháu T1 và cháu M) tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật. Dành quyền thăm nom, giáo dục con chung cho anh T, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Nguyễn Thị Mỹ P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ P được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên: Trần Minh T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 21/9/2014; Trần Gia M (giới tính: Nữ), sinh ngày 18/6/2017 và Trần Minh T2 (giới tính: Nam), sinh ngày 12/5/2020 cho đến khi cháu T1, cháu M và cháu T2 đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, giáo dục con cho anh T, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ P phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị P được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004972, ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Như vậy, chị P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Hiệp, TX.Vĩnh Châu;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Văn Đua